

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Tên chương trình : Kế Toán
Trình độ đào tạo : Đại học
Ngành đào tạo : Kế toán – Kiểm toán
Loại hình đào tạo : Chính quy tập trung

*(Ban hành theo quyết định số 861/QĐ-ĐHM ngày 14 tháng 10 năm 2011
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở Tp.HCM)*

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Mục tiêu đào tạo

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Cử nhân Đại học chuyên ngành Kế toán có phẩm chất đạo đức tốt và trình độ kế toán chuyên nghiệp, cung cấp cho sinh viên có những kiến thức và kỹ năng thực hành kế toán doanh nghiệp, cũng như khả năng thích nghi với những thách thức của môi trường kinh doanh luôn thay đổi. Ngoài ra, mục tiêu của chương trình ngành kế toán còn huấn luyện cho sinh viên những kỹ năng thực hành chuyên môn trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán.

• Sinh viên tốt nghiệp có thể đảm nhận các công việc sau:

- Kế toán viên tại các doanh nghiệp và tổ chức, bao gồm ngân hàng, công ty bảo hiểm, và các cơ quan hành chính sự nghiệp.
- Kiểm toán viên nội bộ tại các tổ chức nêu trên, kiểm toán viên hành nghề tại các công ty kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán viên tại cơ quan kiểm toán nhà nước.
- Kiểm tra, thanh tra viên tại cơ quan thuế nhà nước.
- Nhân viên tại cơ quan thuế và nhân viên kế toán tại các ngân hàng, quỹ tín dụng, công ty bảo hiểm, và quỹ đầu tư.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình Kế toán hướng đến việc đào tạo, trang bị cho sinh viên về cả ba mặt: kiến thức, kỹ năng và thái độ. Ngoài ra sinh viên cũng đạt các chuẩn đầu ra về ngoại ngữ và tin học cần thiết để có thể làm việc tốt trong môi trường hội nhập.

• Chương trình đào tạo trang bị các kiến thức sau:

○ Các kiến thức chung về môi trường kinh doanh:

- Các nguyên lý kinh tế cơ bản
- Các nguyên lý quản trị chung và ứng dụng của lý thuyết này vào thực tế

- Các kiến thức cơ bản về kế toán.
- **Các kiến thức chuyên môn về kế toán và kiểm toán:**
 - Các nguyên lý và thực hành của kế toán tài chính, kế toán quản trị, kế toán chi phí, hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp.
 - Hiểu biết tốt về phương pháp luận và thực hành kiểm toán nội bộ, kiểm toán độc lập.
 - Các nguyên lý cơ bản về quản trị tài chính.
- **Trang bị cho sinh viên kỹ năng, phương pháp học tập và nghiên cứu:**
 - Rèn luyện cho sinh viên tư duy phân tích, tổng hợp, giải quyết vấn đề, khả năng làm việc hợp tác và khả năng làm việc độc lập.
 - Khả năng thu thập và phân tích thông tin để đưa ra quyết định.
 - Khả năng nghiên cứu thông qua các đề tài thực tế từ doanh nghiệp.
 - Khả năng sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành liên quan đến kinh doanh và marketing.
 - Khả năng tự học, sáng tạo, có định hướng nghề nghiệp tốt
- **Xây dựng cho sinh viên thái độ phù hợp:**
 - Sinh viên chương trình Marketing là những người có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp tốt, có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội. Đồng thời, sinh viên chương trình là người có ý thức vươn lên trong học tập và làm việc.
- **Trình độ ngoại ngữ:**
 - Sinh viên ngành Marketing sau khi tốt nghiệp ra trường sẽ có trình độ tiếng Anh tối thiểu là TOEFL IBT 79 (TOEFL 550) hoặc tương đương. Đồng thời, chương trình cũng cố gắng trang bị cho sinh viên những kỹ năng mềm cần thiết để nâng cao năng lực cá nhân của sinh viên
- **Trình độ tin học:**
 - Sinh viên của chương trình có kỹ năng sử dụng thành thạo máy vi tính, internet, các công cụ soạn thảo văn phòng, một số phần mềm liên quan đến chuyên ngành, phục vụ cho việc học tập tại trường và làm việc sau này.

1.2. Thời gian đào tạo

Tổng thời gian đào tạo là 4 năm và được chia làm 8 học kỳ.

1.3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng số tín chỉ cho một chương trình: **130** tín chỉ, không kể các phần sau:

- Các môn thể chất, quốc phòng: **12** tín chỉ
- Các chuyên đề về kỹ năng mềm: **12** chuyên đề
- Các chuyên đề kiến thức chuyên ngành: **2** chuyên đề

1.4. Đối tượng tuyển sinh

Người đã tốt nghiệp phổ thông trung học hoặc tương đương.

1.5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo qui chế học vụ theo học chế tín chỉ (Ban hành theo Quyết định số 759/QĐ-ĐHM của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Tp.HCM ngày 09 tháng 09 năm 2009). Những sinh viên có đủ các điều kiện sau đây sẽ được xét công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự
- Tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo
- Điểm trung bình tích lũy toàn khóa học đạt từ 5.0 trở lên
- Có các chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, và
- Có chứng chỉ ngoại ngữ TOEFL IBT 79 hoặc TOEFL 550 hoặc tương đương.

1.6. Thang điểm

Thang điểm 10

2. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương **54 tín chỉ**

2.1.1. Lý luận Mác – Lê Nin và tư tưởng Hồ Chí Minh **10 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin	5	CTK
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	CTK
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	CTK

2.1.2. Kiến thức Toán – Tin học **9 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Toán cao cấp	3	CTK
2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3	CTK
3	Tin học đại cương	3	CTK

2.1.3. Kiến thức Khoa học xã hội **7 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Pháp luật đại cương	2	CTK
2	Giao tiếp trong kinh doanh	2	
3	Kỹ năng học tập	2	Đạt/ không đạt

4	Chuyên đề kỹ năng	1	Đạt/ không đạt
---	-------------------	---	----------------

2.1.4. Ngoại ngữ

28 tín chỉ

1	Tiếng Anh nâng cao 1	4	
2	Tiếng Anh nâng cao 2	4	
3	Tiếng Anh nâng cao 3	4	
4	Tiếng Anh nâng cao 4	4	
5	Tiếng Anh nâng cao 5	4	
6	Tiếng Anh nâng cao 6	4	
7	Tiếng Anh nâng cao 7	4	

2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

66 tín chỉ

2.2.1. Kiến thức cơ sở của khối ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Kinh tế vi mô	3	CTK
2	Kinh tế vĩ mô	3	CTK
3	Marketing căn bản	3	CTK
4	Quản trị học	3	CTK

2.2.2. Kiến thức cơ sở của ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Luật kinh tế	3	CTK
2	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	CTK
3	Tài chính-tiền tệ	3	CTK
4	Nguyên lý kế toán	3	CTK

2.2.3. Kiến thức ngành

12 tín chỉ

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1	Quản trị tài chính	3	CTK
2	Kế toán tài chính 1	3	CTK
3	Thuế và hoạt động doanh nghiệp	3	CTK
4	Kiểm toán căn bản	3	CTK

2.2.4. Kiến thức chuyên ngành**30 tín chỉ**

STT	Môn	Số TC	Ghi chú
1.	Kê toán tài chính 2	3	Môn bắt buộc
2.	Kê toán tài chính 3	3	Môn bắt buộc
3.	Kê toán chi phí	3	Môn bắt buộc
4.	Kê toán quản trị	3	Môn bắt buộc
5.	Hệ thống thông tin kế toán 1	3	Môn bắt buộc
6.	Hệ thống thông tin kế toán 2	3	Môn bắt buộc
7.	Kiểm toán nâng cao	3	Môn bắt buộc
	<i>Chọn 3 trong số các môn sau đây:</i>		
8.	Kê toán và lập báo cáo thuế	3	Môn chọn
9.	Kê toán ngân hàng	3	Môn chọn
10.	Kê toán hành chính sự nghiệp	3	Môn chọn
11.	Phân tích báo cáo tài chính	3	Môn chọn
12.	Định giá doanh nghiệp	3	Môn chọn
13.	Thực hành kế toán mô phỏng	3	Môn chọn
14.	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	Môn chọn

2.2.5. Học phần tốt nghiệp: 10 tín chỉ

Thực tập tốt nghiệp: 4 tín chỉ

Học phần tốt nghiệp: 6 tín chỉ

Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các môn trong phần kiến thức chuyên ngành chọn

3. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (dự kiến)**HỌC KỲ 1**

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 1 (CB3)		4	
2.	Toán cao cấp		3	
3.	Kỹ năng học tập		2	
4.	Pháp luật đại cương		2	
5.	Kinh tế vi mô		3	
6.	Tin học đại cương		3	

7.	Giáo dục thể chất (3TC)			
Cộng			17	

HỌC KỲ 2

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 2 (CB4)		4	
2.	Giao tiếp trong kinh doanh		2	
3.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán		3	
4.	Marketing căn bản		3	
1.	Kinh tế vĩ mô		3	
5.	Nguyên lý kế toán		3	
6.	Giáo dục thể chất (2TC)			
7.	Giáo dục quốc phòng (7TC)			
Cộng			18	

HỌC KỲ 3

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
2.	Tiếng Anh nâng cao 3 (CB5)		4	
3.	Quản trị học		3	
4.	Nguyên lý thống kê kinh tế		3	
5.	Tài chính-tiền tệ		3	
6.	Thuê và các hoạt động doanh nghiệp		3	
Cộng			16	

HỌC KỲ 4

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 4 (CB6)		4	
2.	Kê toán tài chính 1		3	
3.	Quản trị tài chính		3	
4.	Luật kinh tế		3	
5.	Hệ thống thông tin kế toán 1		3	
6.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, Phần 1		2	
Cộng			18	

HỌC KỲ 5

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 5 (CB7)		4	
2.	Hệ thống thông tin kế toán 2		3	
3.	Kê toán tài chính 2		3	
4.	Môn chọn 1		3	
5.	Những nguyên lý chủ nghĩa Mác – Lênin, Phần 2		3	
Cộng			16	

HỌC KỶ 6

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 6 (CB8)		4	
2.	Kê toán chi phí		3	
3.	Kê toán tài chính 3		3	
4.	Kiểm toán căn bản		3	
5.	Môn chọn 2		3	
6.	Tư tưởng Hồ Chí Minh		2	
Cộng			18	

HỌC KỶ 7

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1.	Tiếng Anh nâng cao 7 (CB9)		4	
2.	Kê toán quản trị		3	
3.	Kiểm toán nâng cao		3	
4.	Đường lối Đường lối CM của Đảng CSVN		3	
5.	Môn chọn 3		3	
6.	Chuyên đề kỹ năng		1	
Cộng			17	

HỌC KỶ 8

STT	Tên môn học	MMH	Tín chỉ	Ghi chú
1	Thực tập tốt nghiệp		4	
2	Khóa luận tốt nghiệp/ hoặc học 2 môn thay thế		6	

Cộng		10	
-------------	--	-----------	--

4. MÔ TẢ MÔN HỌC

4.1. Các môn học đại cương

Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin (5 TC)

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về giảng dạy môn Lý luận chính trị trong các trường học. Nội dung về Chủ nghĩa duy vật biện chứng về thế giới bao gồm vật chất và ý thức, các qui luật của phép biện chứng duy vật, các cặp phạm trù cơ bản, lý luận nhận thức và logic học, về các hình thái kinh tế xã hội, giai cấp, nhà nước, triết học về con người, đời sống xã hội tinh thần.

Đường lối cách mạng của Đảng Cộng Sản Việt Nam (3 TC)

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

Tư tưởng Hồ Chí Minh (2 TC)

Áp dụng theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 18/09/2008 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành đề cương môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh trình độ đại học, cao đẳng.

Toán cao cấp (3 TC)

Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cần thiết để tiếp thu các môn toán kinh tế, các môn kinh tế và rèn luyện phương pháp tư duy toán học để vận dụng vào việc học tập, nghiên cứu cũng như giải quyết các vấn đề thực tiễn. Môn học bao gồm các nội dung: toán giải tích, đại số tuyến tính, tích phân bất định và tích phân xác định; vi phân, định thức, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, không gian vector.

Lý thuyết xác suất và thống kê toán (3 TC)

Giới thiệu các kiến thức về hiện tượng ngẫu nhiên, các phép tính xác suất, các vấn đề căn bản trong thống kê kinh tế như lấy mẫu, chọn mẫu, các mô hình kiểm định (chi-square, t, anova, ...) và những khái niệm về các loại chỉ số, tính chất, cách chuyển đổi năm cơ sở của các chỉ số.

Tin học đại cương (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kỹ năng sử dụng máy tính căn bản, kỹ năng sử dụng sử dụng email, tìm kiếm và truy cập thông tin trên internet, các kỹ năng làm việc với hệ thống các phần mềm soạn thảo văn bản (winword) và bảng tính (excel), giới thiệu sơ lược về máy tính, hệ điều hành, Internet.

Pháp luật đại cương (2 TC)

Môn học trước: không.

Môn học trang bị cho sinh viên những lý thuyết chung về khái niệm cơ bản của khoa học pháp lý về Nhà nước và Pháp luật. Nội dung của môn học đề cập đến: khái niệm nhà nước, phân tích cấu trúc bộ máy nhà nước, chức năng và thẩm quyền của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước; tính chất pháp lý và cơ cấu của hệ thống văn

bản quy phạm pháp luật, những nội dung cơ bản của các ngành luật gốc như hiến pháp, Luật hành chính, Luật dân sự, Luật hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Giao tiếp trong kinh doanh (2 TC)

Môn học trước: không

Môn học Giao tiếp kinh doanh được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản và cơ hội để thực hành các kỹ năng liên quan đến giao tiếp có hiệu quả trong kinh doanh. Môn học cũng cung cấp những kiến thức về văn hoá, tập quán của người Việt Nam và các dân tộc khác để có thể giao tiếp đạt hiệu quả. Từ đó sinh viên có thể phát triển và ứng dụng các lý thuyết và các kỹ năng đã học để tăng cường hiệu quả của việc xử lý và truyền đạt thông tin trong giao tiếp

Kỹ năng học tập (2 TC)

Môn học trước: không yêu cầu

Môn học nhằm trang bị những kỹ năng cần thiết giúp cho sinh viên thích nghi với môi trường sống và học tập ở bậc đại học, biết cách áp dụng các phương pháp học tập hiệu quả để đạt được mục tiêu học tập. Nội dung môn học đề cập đến việc đáp ứng với sự thay đổi ở môi trường đại học, xác định mục tiêu và lập kế hoạch, các kỹ năng cơ bản như lắng nghe, đọc, ghi chép, làm việc nhóm, thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, làm bài tiểu luận và ôn tập, thi, nghiên cứu khoa học.

Chuyên đề kỹ năng (1 TC)

Chuyên đề kỹ năng nhằm giúp sinh viên được tiếp cận và rèn luyện các kỹ năng để chuẩn bị bước vào môi trường nghề nghiệp. Nội dung chuyên đề bao gồm: văn hóa giao tiếp, kỹ năng tìm việc, kỹ năng đàm phán và thương lượng hiệu quả...

Tiếng Anh nâng cao 1 (4 TC)

Điều kiện: Sinh viên đạt trình độ thi xếp lớp đầu vào theo quy định của Ban cơ bản Học giáo trình Interaction 1.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 300 – 350 hoặc tương đương TOEFL 350 hoặc IELTS dưới 3.0

Tiếng Anh nâng cao 2 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 1

Học giáo trình Interaction 2.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 350 – 400 hoặc tương đương TOEFL 400 hoặc IELTS 3.5

Tiếng Anh nâng cao 3 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 2

Học giáo trình Market Leader.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 400 – 450

Tiếng Anh nâng cao 4 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 3

Học giáo trình Market Leader.

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 450 – 500

Tiếng Anh nâng cao 5 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 4

Học giáo trình Developing Skills TOEIC

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 500 – 550 hoặc tương đương TOEFL 450 – 500 hoặc IELTS 4.5

Tiếng Anh nâng cao 6 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 5

Học giáo trình Target TOEIC

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 550 – 600

Tiếng Anh nâng cao 7 (4 TC)

Môn học trước: Tiếng Anh nâng cao 6

Học giáo trình Longman TOEIC Tests

Đầu ra: đạt chuẩn TOEIC 600 – 650 hoặc tương đương TOEFL 510 – 550 hoặc IELTS 5.5

4.2. Các môn cơ sở khối ngành

Kinh tế vi mô (3 TC)

Môn học trước: không

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản. Môn học đề cập đến lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất, cấu trúc thị trường và tác động của các chính sách can thiệp thị trường của chính phủ.

Kinh tế vĩ mô (3 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô

Môn học giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Marketing căn bản (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp những hiểu biết và kiến thức căn bản về những nguyên lý marketing và ứng dụng chúng vào thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm: các khái niệm cơ bản về marketing; vấn đề thị trường và nghiên cứu marketing; nhận dạng nhu cầu và xác định hành vi khách hàng; hoạch định chiến lược marketing, và hoạt động marketing hay hoạt động marketing-mix thông qua sản phẩm, giá, phân phối, chiêu thị, con người, quy trình và chứng minh thực tế

Quản trị học (3 TC)

Môn học trước: không

Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản về quản trị và sự vận dụng vào thực tiễn doanh nghiệp của nó như: khái niệm và bản chất của quản trị; nhà quản trị; môi trường quản trị; các lý thuyết quản trị (cổ điển và hiện đại); các chức năng của quản trị: hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra. Môn học còn cập nhật một số vấn đề mới của quản trị học hiện đại như quản trị thông tin và ra quyết định, quản trị sự đổi mới, thay đổi, quản trị xung đột, quản trị rủi ro và cơ hội của doanh nghiệp.

4.3. Các môn cơ sở ngành

Luật kinh tế (3 TC)

Môn học trước: Pháp luật đại cương

Trang bị những kiến thức cơ bản về pháp luật điều chỉnh lĩnh vực kinh doanh, làm cơ sở cho việc nghiên cứu các luật chuyên ngành tài chính, ngân hàng, chứng khoán, và luật thương mại cũng như các chế độ pháp lý điều chỉnh cơ cấu tổ chức, hoạt động và quản lý các loại hình doanh nghiệp. Ngoài ra cũng giới thiệu các vấn đề căn bản về luật quốc tế trong thương mại.

Nguyên lý thống kê kinh tế (3 TC)

Môn học nhằm cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê bao gồm việc thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Ngoài ra, môn học còn trang bị cho sinh viên các phương pháp phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm giúp cho việc ra quyết định ở tầm vi mô và vĩ mô.

Tài chính tiền tệ (3 TC)

Môn học này trang bị những kiến thức cơ bản có tính chất lý thuyết về tài chính như: bản chất, chức năng của tài chính; hệ thống tài chính Việt Nam; Ngân sách nhà nước, hệ thống thuế, Bảo hiểm, thị trường tài chính. Ngoài ra, còn trang bị những kiến thức cơ bản về tiền tệ và ngân hàng bao gồm bản chất, chức năng, hình thái và các chế độ tiền tệ; tổ chức hệ thống ngân hàng bao gồm ngân hàng trung ương và hệ thống ngân hàng trung gian; hoạt động của ngân hàng thương mại và thị trường tài chính; và các vấn đề vĩ mô liên quan đến tiền tệ-ngân hàng như phát hành tiền, lạm phát và chính sách tiền tệ quốc gia.

Nguyên lý kế toán (3 TC)

Môn học trước: không

Trang bị những kiến thức cơ bản về lý thuyết kế toán: các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể.

4.4. Các môn kiến thức ngành

Kế toán tài chính 1 (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên ngành về kế toán tài chính doanh nghiệp: Các khái niệm và nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận; nội dung tổ chức công tác kế toán các yếu tố của quá trình kinh doanh trong doanh nghiệp.

Quản trị tài chính (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kinh tế vi mô

Môn học này trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về quản trị tài chính của doanh nghiệp với các nội dung chính yếu bao gồm tổng quan về quản trị tài chính, các công cụ và mô hình căn bản sử dụng trong quản trị tài chính, phân tích và ra các quyết định về đầu tư, phân tích và ra các quyết định huy động nguồn vốn và chính sách phân chia lợi nhuận của doanh nghiệp. Ngoài ra, môn học còn trang bị các công cụ phân tích và quản lý tài sản và quản lý rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

Thuế và hoạt động doanh nghiệp (3 TC)

Môn học giới thiệu các qui định hiện hành về thuế liên quan tới hoạt động doanh nghiệp. Môn học cũng giới thiệu các phân tích tác động của hệ thống qui định pháp luật về thuế đến hoạt động và thu nhập của doanh nghiệp.

Kiểm toán (căn bản, nâng cao) (6 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Học phần này bao gồm các kiến thức cơ bản nhất về bản chất, chức năng đối tượng và phương pháp của kiểm toán; các hình thức kiểm toán và chủ thể kiểm toán; các khái niệm cơ bản sử dụng trong kiểm toán; quy trình và phương pháp kiểm toán; tổ chức công tác kiểm toán và bộ máy kiểm toán.

4.5. Các môn kiến thức chuyên ngành

Kế toán tài chính 2, 3 (6 TC)

Môn học trước: Kế toán tài chính 1

Môn học này trang bị cho sinh viên những kiến thức cụ thể về nội dung phương pháp, quy trình kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu nhằm cung cấp các thông tin tài chính cho việc lập báo cáo tài chính và quản lý doanh nghiệp.

Kế toán chi phí (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Môn học xem xét vai trò và đóng góp của kế toán chi phí trong hệ thống quản lý. Các cách phân loại và hệ thống chi phí, các yếu tố chi phí, các vấn đề trong chi phí cố định sản xuất. Phân tích và lập ngân sách vốn. Phân quyền và đo lường các kết quả hoạt động. Quyết định về định giá chuyển giao nội bộ.

Kế toán quản trị (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Quản trị học

Môn học này cung cấp những thông tin cơ bản về bản chất, chức năng, nội dung và các phương pháp của kế toán quản trị; sự khác biệt và mối quan hệ giữa kế toán tài chính và kế toán quản trị; các kiến thức cơ bản về phân loại chi phí và giá thành trong kế toán quản trị. Trên cơ sở đó xây dựng các phương pháp tính giá, phương pháp lập dự toán, kiểm soát chi phí, phân tích chi phí trong mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cũng như tạo lập và cung cấp thông tin thích hợp cho quá trình ra quyết định ngắn hạn và dài hạn của nhà quản trị.

Hệ thống thông tin kế toán 1, 2 (6 TC)

Môn học trước: Tin học đại cương, Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Môn học trình bày các kiến thức nâng cao và chuyên sâu về việc ứng dụng excel trong kế toán, các kiến thức căn bản về quản trị cơ sở dữ liệu; trang bị các kiến thức về bản chất của hệ thống thông tin kế toán và quá trình phát triển hệ thống thông tin kế toán, giúp người học tìm hiểu đánh giá và thiết lập các thủ tục quy trình kiểm soát nội bộ trong điều kiện tin học hóa; môn học đi sâu nghiên cứu hệ thống kế toán theo cách tiếp cận chu trình kế toán.

Các môn chọn:

Kế toán và lập báo cáo thuế (3 TC)

Môn học trước: Kinh tế vi mô, Luật kinh tế, Tài chính tiền tệ

Nội dung cơ bản của môn học là nghiên cứu các sắc thuế hiện hành, làm rõ đặc điểm cơ bản của từng loại thuế, phương pháp tính toán và các thủ tục cần thiết kê khai, nộp thuế đối với nhà nước.

Kế toán ngân hàng (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Nghiệp vụ ngân hàng thương mại

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quát về nội dung và phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong các hoạt động của ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng Việt Nam nói chung. Nội dung môn học không những cung cấp kiến thức về kế toán trong lĩnh vực ngân hàng mà còn giúp sinh viên có điều kiện ôn lại toàn bộ các nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng, kiểm soát toàn bộ vốn và tài sản ngân hàng cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh và sự phân chia lợi nhuận của ngân hàng.

Kế toán hành chính sự nghiệp (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Môn học cung cấp cho người học các kiến thức căn bản về nội dung và phương pháp kế toán ở các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu, đơn vị khoán chi hành chính sự nghiệp khác. Nội dung môn học bao gồm kế toán khoản phải thu, các khoản chi, kế toán nguồn kinh phí, kế toán các khoản thanh toán và kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình hoạt động. Thông qua các kiến thức trên người học có thể lập được các báo cáo tài chính để cung cấp cho các đối tượng sử dụng.

Phân tích báo cáo tài chính (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính

Môn học sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng thực hành phân tích các báo cáo tài chính của doanh nghiệp bao gồm bảng cân đối kế toán; báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Sinh viên được hướng dẫn các phương pháp phân tích bao gồm phân tích các tỷ số tài chính, phân tích xu hướng tài chính, phân tích cơ cấu và phân tích chỉ số để qua đó có thể đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp cũng như đánh giá được tình hình thanh khoản, mức độ sử dụng nợ, hiệu quả sử dụng tài sản và khả năng sinh lợi của doanh nghiệp.

Định giá doanh nghiệp (3 TC)

Môn học trước: Quản trị tài chính, Kế toán tài chính, Kế toán quản trị

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về định giá doanh nghiệp để từ đó có thể thấy được giá trị hiện hữu và tiềm năng của doanh nghiệp. Trong đó, môn học nêu rõ tại sao phải cần định giá doanh nghiệp, các đối tượng nào cần phải định giá, các nội dung cần thẩm định, các phương pháp định giá doanh nghiệp như định giá doanh nghiệp theo tỷ số P/E, phương pháp định giá theo mô hình chiết khấu dòng tiền, và phương pháp định giá theo giá trị tài sản thực.

Kế toán mô phỏng (3 TC)

Môn học trước: Nguyên lý kế toán, Kế toán tài chính.

Môn học giúp sinh viên biết được các thức tổ chức, phân chia vai trò và nhiệm vụ của một kế toán trong phòng kế toán của doanh nghiệp. Môn học trình bày quy trình bắt đầu công việc kế toán của doanh nghiệp từ khâu đăng ký hình thức kế toán, mua hóa đơn chứng từ và sổ sách kế toán đến việc ghi chép sổ sách kế toán hàng ngày cho đến khâu lập các báo cáo tài chính và báo cáo thuế trên bộ số liệu thực tế của doanh nghiệp (quá trình làm kế toán được tiến hành bằng tay và ứng dụng tin học vào công việc kế toán). Qua đó giúp sinh viên có những kinh nghiệm thực tế và biết cách xử lý tình huống phát sinh mà trong quá trình học không thể bao hàm hết được.

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư (3 TC)

Môn học trước: kiến thức đại cương, kiến thức cơ sở ngành.

Môn học trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về dự án đầu tư; các nội dung cần thiết lập và các yêu cầu, phương pháp thẩm định dự án. Các vấn đề như nghiên cứu thị trường, phân tích kỹ thuật, đánh giá hiệu quả tài chính, hiệu quả kinh tế xã hội, đánh giá tác động môi trường, tổ chức và quản trị thực hiện dự án được đề cập đến.

4.6. Thực tập và học phần tốt nghiệp

Thực tập tốt nghiệp (4 TC)

Kỳ thực tập tốt nghiệp nhằm tạo điều kiện cho sinh viên thâm nhập vào thực tiễn, có cơ hội có được những kinh nghiệm thực tế bằng cách tiếp cận với môi trường làm việc. Qua đó, sinh viên học được nền tảng, cơ cấu tổ chức cũng như cách làm việc chuyên nghiệp trong một môi trường sản xuất kinh doanh. Kết thúc kỳ thực tập, sinh viên được yêu cầu viết báo cáo thực tập để so sánh giữa lý thuyết và thực tế kinh doanh. Thời gian thực tập tại doanh nghiệp thông thường là 8 tuần. Trong thời gian này sinh viên sẽ chọn một chủ đề liên quan đến ngành học để viết chuyên đề thực tập tốt nghiệp với sự hướng dẫn của giảng viên.

Khóa luận tốt nghiệp (6TC)

Sinh viên sẽ được giảng viên hướng dẫn làm khóa luận trong 8 tuần dựa trên chủ đề nghiên cứu đã có trong thời gian thực tập ở doanh nghiệp.

5. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

5.1. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Đơn vị công tác
1.	Đặng Văn Thanh	Thạc sĩ	Kinh tế vi mô	Trường đại học kinh tế TPHCM
2.	Nguyễn Thái Thảo Vy	Thạc sĩ	Kinh tế vĩ mô	Trường ĐH Mở TPHCM
3.	Nguyễn Văn Thuận	Tiến sĩ	Quản trị tài chính P1 Quản trị tài chính P2	Trường ĐH Mở TPHCM
4.	Nguyễn Thành Nhân	Thạc sĩ	Kỹ năng học tập	Trường ĐH Mở TPHCM
5.	Đoàn Thị Mỹ Hạnh	PGS. Tiến sĩ	Kinh tế vi mô	Trường ĐH Mở TPHCM
6.	Trịnh Thùy Anh	Tiến sĩ	Quản trị học Quản trị dự án	Trường ĐH Mở TPHCM
7.	Trần Anh Tuấn	Tiến sĩ	Quản trị học Quản trị chiến lược	Trường ĐH Mở TPHCM
8.	Trần Tuấn Anh	Thạc sĩ	Phân tích định lượng trong quản trị	Trường ĐH Mở TPHCM
9.	Vũ Việt Hằng	Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực	Trường ĐH Mở TPHCM
10.	Nguyễn Hữu Thân	Tiến sĩ	Quản trị nguồn nhân lực	Trường ĐH Mở TPHCM
11.	Nguyễn Minh Kiều	PGS. Tiến sĩ	Thẩm định tín dụng Quản trị tài chính Nghịệp vụ ngân hàng thương mại	Trường ĐH Mở TPHCM
12.	Võ Minh Long	Thạc sĩ	Phân tích báo cáo tài chính	Trường ĐH Mở TPHCM
13.	Nguyễn Như Ánh	Thạc sĩ	Nguyên lý kế toán	Trường ĐH Mở TPHCM
14.	Vũ Hữu Đức	Tiến sĩ	Kế toán	Trường Đại Mở TP.HCM
15.	Nguyễn Thanh	PGS. TS	Triết học Những nguyên lý CB của CN Mác Lênin	Trường ĐH Mở TPHCM
16.	Nguyễn Thị Hoài Minh	Cử nhân	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
17.	Nguyễn Kim Quý	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
18.	Trần Mỹ Phương	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
19.	Phan Thị Thu Nga	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
20.	Nguyễn Vũ Phương Thảo	Cử nhân	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM

21.	Nguyễn Thị Xuân Lan	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
22.	Trần Thiên Sơn	Cử nhân	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
23.	Lê Quang Trực	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
24.	Nguyễn Cao Tùng	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM
25.	Nguyễn Tri Quỳnh Nga	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM
26.	Nguyễn Thị Trâm Anh	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM
27.	Lê Anh Minh	Thạc sĩ	Tin học đại cương	Trường ĐH Mở TPHCM

5.2. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG

TT	Họ tên Giảng viên	Chức danh học vị	Môn học	Đơn vị công tác
1.	Trần Bá Nhẫn	Thạc sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trường đại học kinh tế TPHCM
2.	Đình Thái Hoàng	Tiến sĩ	Lý thuyết xác suất và thống kê	Trường đại học kinh tế TPHCM
3.	Nguyễn Văn Ngãi	Tiến sĩ	Kinh tế vĩ mô	Đại học Nông Lâm
4.	Lê Minh Nhựt	Thạc sĩ	Pháp luật đại cương	Đoàn luật sư TPHCM
5.	Bùi Thị Mai Hoài	Tiến sĩ	Lý thuyết tài chính tiền tệ	ĐH Kinh tế TPHCM
6.	Nguyễn Thế Khải	Thạc sĩ	Truyền thông và giao tiếp trong kinh doanh, Marketing căn bản	ĐH Mở TPHCM
7.	Đào Hoài Nam	Thạc sĩ	Hành vi khách hàng	ĐH Kinh tế TPHCM
8.	Nguyễn Bảo Linh	Thạc sĩ	Kế toán quản trị	
9.	Lê Phan Thị Diệu Thảo	Tiến sĩ	Tài chính quốc tế	ĐH Ngân Hàng
10.	Thân Thị Thu Thủy	Tiến sĩ	Thị trường chứng khoán	ĐH Kinh tế TPHCM
11.	Hà Xuân Thạch	PGS. Tiến sĩ	Kế toán tài chính Nguyên lý kế toán	ĐH Kinh tế TPHCM
12.	Mai Thị Hoàng Minh	PGS -TiS	Kế toán tài chính	ĐH Kinh tế

			Nguyên lý kế toán	TPHCM
13.	Nguyễn Khánh Trung	Thạc sĩ	Phương pháp học tập	
14.	Hoàng Thị Phương Thảo	Tiến sĩ	Quản trị kênh phân phối Nghiên cứu thị trường	ĐH Kinh tế TPHCM
15.	Võ Thị Lan	Thạc sĩ	Dự báo trong kinh doanh	ĐH Kinh tế TPHCM
16.	Nguyễn Khánh Duy	Thạc sĩ	Dự báo trong kinh doanh	ĐH Kinh tế TPHCM
17.	Hoàng Thị Minh Ngọc	Tiến sĩ	Thanh toán quốc tế	ĐH Kinh tế TPHCM
18.	Đoàn Văn Hoạt	Thạc sĩ	Kiểm toán	ĐH Kinh tế TPHCM
19.	Trịnh Tú Anh	Thạc sĩ	Quản trị Marketing	
20.	Trần Thị Xuân Hương	Tiến sĩ	Nghiệp vụ ngân hàng	ĐH Kinh tế TPHCM
21.	Đoàn Thanh Hải	Thạc sĩ	Phân tích định lượng trong quản trị	ĐH Kinh tế TPHCM
22.	Nguyễn Diệu Linh	Thạc sĩ	Marketing căn bản	
23.	Hoàng Ngọc Nhậm	Thạc sĩ	Kinh tế lượng	ĐH Kinh tế TPHCM
24.	Mai Trí Bình	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
25.	Nguyễn Thị Tú	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Sư Phạm
26.	Văn Thị Phước	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Quốc tế
27.	Võ Kiều Mi	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
28.	Nguyễn Thị Hồng Loan	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường SEAMEO
29.	Ngô Thị Bạch Loan	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường SEAMEO
30.	Thân Thị Đức	Thạc sĩ	Anh văn TOEIC, TOEFL	Trường ĐH Mở TPHCM
31.	Nguyễn Ngọc Tuyền	Thạc sĩ	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
32.	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Cử nhân	Anh văn nâng cao	Trường ĐH Mở TPHCM
33.	Nguyễn Minh Tuấn		Kinh tế chính trị	Trường ĐH Mở TPHCM

34.	Trần Hùng		Chủ nghĩa xã hội khoa học	ĐH Tôn Đức Thắng
35.	Dương Tấn Khoa	Thạc sĩ	Nghiệp vụ NHTM Thị trường tài chính	Đại học Kinh tế Tp.HCM

6. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

- Lớp học, thư viện tập trung tại 97 Võ Văn Tần,
- Giáo trình và tập bài giảng được gửi lên mạng và gửi trực tiếp đến lớp

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ lộ trình các môn học và Quy chế tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ, sinh viên đăng ký môn học theo từng học kỳ (Quy trình đăng ký môn học) dưới sự hướng dẫn của Cố vấn học tập.
- Các môn GDTC, GDQP và các môn học chung toàn trường được tổ chức học theo kế hoạch chung của Phòng đào tạo.
- Môn học được tiến hành theo Đề cương môn học đã được phê duyệt và phải được cung cấp cho sinh viên trước khi giảng dạy.
- Điều kiện được nhận khóa luận tốt nghiệp :

Tích lũy đủ số tín chỉ quy định của chương trình

Điểm trung bình tích lũy : Từ 7,0 trở lên

Điểm thực tập tốt nghiệp : Từ 8,0 trở lên và phải được sự đồng ý của giáo viên hướng dẫn.

K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN ĐIỀU HÀNH

PGS.TS. Nguyễn Thuận

PGS.TS. Nguyễn Minh Kiều